

NÂNG CAO VAI TRÒ VÀ NHU CẦU SỬ DỤNG THƯ VIỆN CỦA SINH VIÊN TRONG ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Đinh Huy Tâm², Cao Thị Thơ², Phạm Thị Giang², ThS. Nghiêm Phúc Hiếu¹

¹ Giảng viên hướng dẫn, ² Sinh viên Khoa Kinh tế

Tóm tắt

Trong thời đại ngày nay, công tác thông tin nói chung và thông tin thư viện nói riêng có một tầm quan trọng đặc biệt và ảnh hưởng sâu sắc tới mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Việc khai thác hiệu quả thông tin đã trở thành một trong những nhân tố hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của bất kỳ một quốc gia nào. Thư viện là cầu nối giữa thông tin và người sử dụng. Thư viện là một yếu tố căn bản và quan trọng, là thước đo đánh giá vai trò, chức năng, nhiệm vụ, hiệu quả đào tạo của đại học và không thể tách rời trường đại học với thư viện. Nghiên cứu nhằm nêu ra vai trò của việc sử dụng thư viện trong việc nâng cao chất lượng học tập của sinh viên, từ đó tìm hiểu và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng thư viện của sinh viên trong địa bàn tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu bằng phương pháp định lượng, trên cơ sở kết quả nghiên cứu để đưa ra các giải pháp phù hợp để nâng cao nhu cầu sử dụng thư viện của sinh viên.

Từ khóa: thư viện, vai trò, nhân tố, nâng cao, nhu cầu sử dụng.

Abstract

Nowadays, information as well as the information in library plays an important role, dramatically influencing on all parts of social life, including education and training areas. The effective exploitation of information has become one of the key factors in the economic and social development strategy. The library connect information with users. It is also a main and basic factor to evaluate the functions, roles, missions as well as efficiency of training in a university, and cannot be separated from the university. The study shows the role of using library in enhancing the students' studying quality, explores the factors that affect the need of using library of students in Ba Ria - Vung Tau province using quantitative methods, and then find out some effective solutions to increase that need.

Keywords: library, role, factor, enhancing, need of using

1. GIỚI THIỆU CHUNG

Ngày nay thế giới đang ở giai đoạn bùng nổ về thông tin. Chính nhờ sự phát triển của công nghệ thông tin mà các kiến thức của con người được bảo quản lâu dài và được truyền bá một cách nhanh chóng. Các thư viện ngày nay đã thoát khỏi khía cạnh tĩnh của những kho chứa sách và phòng đọc sách để trở nên năng động hơn. Vai trò của thư viện đối với xã hội nói chung và đối với học sinh, sinh viên nói riêng ngày càng được đánh giá đúng mức. Trong đó, thư

viện trường đại học, cao đẳng đã làm nổi bật vai trò của mình là một động lực đóng góp vào việc đổi mới giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng.

Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đã nghiên cứu đề tài “Nâng cao vai trò và nhu cầu sử dụng thư viện của sinh viên trong địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu” với mục tiêu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng thư viện của sinh viên tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, kiểm định sự khác biệt về mức độ sử dụng thư viện của sinh viên theo các đặc điểm

cá nhân, từ đó đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao nhu cầu sử dụng thư viện của sinh viên.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng thư viện dựa trên cơ sở đó hướng tới những giải pháp cụ thể, nhóm tác giả tiến hành điều tra thông khảo sát bằng bảng câu hỏi cho sinh viên thuộc 6 trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 16.0. Thực hiện các phân tích: thống kê mô tả mẫu nghiên cứu, phân tích nhân tố khám phá EFA, đánh giá thang đo bằng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích hồi quy tương quan và phương sai Anova.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Kết quả kiểm định các giả thuyết

3.1.1. Thống kê mô tả

Kích thước mẫu được chọn là khoảng 450 sinh viên theo phương pháp phi xác suất dựa trên số lượng sinh viên phân theo các tiêu chí:

Trường: gồm 6 trường Đại học và Cao đẳng của Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (trường Đại học Bà Rịa- Vũng Tàu, Đại học Mở địa chất, Cao đẳng Sư phạm, Cao đẳng Dầu khí, Cao đẳng nghề, Cao đẳng Du lịch).

- Ngành học: Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật công nghệ, Kinh tế.

Khóa học: Năm thứ nhất, năm thứ 2, năm thứ 3, năm thứ 4.

- Giới tính: Nam, Nữ.

Kết quả phát 450 phiếu, thu hồi 435 phiếu, làm sạch số liệu có 45 phiếu không hợp lệ (các phiếu bị loại do các lý do: không cung cấp đủ thông tin, chỉ đánh một lựa chọn hoặc đánh theo chu kỳ lặp...). Do đó, mẫu khảo sát chính thức còn 390 phiếu. Theo thống kê mẫu nghiên cứu, nhóm tác giả nhận thấy số lượng phiếu khảo sát thu được nhiều nhất sau khi điều tra ở trường

đại học Bà Rịa-Vũng Tàu và trường cao đẳng sư phạm (đại học BR-VT: 106 sinh viên, 27.2%; cao đẳng sư phạm: 91 sinh viên, 23.3%; cao đẳng dầu khí: 56 sinh viên, 14.4%; cao đẳng du lịch: 50 sinh viên, 12.8%, cao đẳng nghề: 46 sinh viên, 11.8%; đại học mở địa chất 41 sinh viên, 10.5%), về ngành học số phiếu thu được nhiều nhất là ở ngành kỹ thuật công nghệ và kinh tế (Kỹ thuật công nghệ: 151 sinh viên, 38.7%; Kinh tế: 147 sinh viên, 37.7%; Khoa học xã hội: 83 sinh viên, 21.3%, Khoa học tự nhiên: 9 sinh viên, 2.3%), về khóa học số phiếu thu được nhiều nhất là ở năm thứ 2 và năm thứ 3 (năm thứ 2: 154 sinh viên, 39.5%; năm thứ 3: 117 sinh viên, 30%, năm thứ nhất: 68 sinh viên, 17.4%; năm thứ 4: 51 sinh viên, 13.1%), về giới tính số phiếu của sinh viên Nữ nhiều hơn Nam (Nữ: 218 sinh viên, 55.9%, Nam: 172 sinh viên, 44.1%).

3.1.2. Đánh giá độ tin cậy thang đo

Sử dụng Cronbach's Alpha để tiến hành kiểm tra xem các biến quan sát có cùng đo lường cho khái niệm cần đo và có đủ độ tin cậy hay không.

Với kết quả tính hệ số Cronbach's Alpha của các biến quan sát, tác giả nhận thấy tất cả các hệ số đều nằm trong khoảng 0.71 cho tới 0.83 và đều lớn hơn 0.7. Như vậy, thang đo thiết kế trong nghiên cứu có ý nghĩa trong thống kê và đạt hệ số tin cậy cần thiết để đưa vào phân tích.

3.1.3. Phân tích nhân tố khám phá

Phân tích nhân tố khám phá được sử dụng nhằm xác định mối quan hệ các các biến và tìm ra nhân tố đại diện cho các biến quan sát phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA với phép quay Varimax dùng để phân tích 20 biến quan sát. Sử dụng phương pháp kiểm định KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) và Bartlett test để đo lường sự tương thích của mẫu khảo sát.

Hệ số KMO là 0.764 (> 0.5) và sig = 0.000 < 0.05 của Bartlett test, nên giả thuyết Ho: "Độ tương quan giữa các biến quan sát

bằng 0 trong tổng thể” sẽ bị bác bỏ điều này có nghĩa là các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể và phân tích nhân tố EFA là thích hợp với dữ liệu của mẫu.

Sau khi thực hiện ma trận xoay các biến quan sát đều có trọng số lớn hơn 0.5, vì vậy mô hình nghiên cứu bao gồm 20 yếu tố thành phần, trích thành 05 nhóm nhân tố trong đó 2 nhân tố cuối được ghép chung với nhau. Các giá trị Eigenvalues đều lớn hơn 1 và độ biến thiên được giải thích tích lũy là 66.355% cho biết 05 nhóm nhân tố giải thích được 66.355% biến thiên của các biến quan sát. Số lượng nhân tố có sự thay đổi từ 6 xuống còn 5 nhân tố bao gồm:

- Sự phát triển của các phương tiện thông tin giải trí và mạng Internet.
- Phương pháp dạy và học trong trường đại học hiện nay.
- Văn hóa đọc của sinh viên hiện nay
- Chất lượng phục vụ của thư viện
- Sự liên kết của thư viện với trường, khoa và phong trào học tập, nghiên cứu trong trường lớp

3.2. Kết quả hồi quy đa biến

Kết quả hồi quy đa biến các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng thư viện như sau:

Biến quan sát	Hệ số hồi quy	Giá trị t	Sig
Hệ số chặn	0.568	3.524	0.000
F4	0.294	12.467	0.000
F2	0.148	5.77	0.000
F5	0.211	10.004	0.000
F3	0.102	4.097	0.000
F1	-0.165	-7.508	0.000

Trong đó:

- F1: Sự phát triển của các phương tiện thông tin giải trí và mạng Internet
- F2: Phương pháp dạy và học trong trường đại học hiện nay
- F3: Văn hóa đọc của sinh viên hiện nay

F4: Chất lượng phục vụ của thư viện

F5: Sự liên kết của thư viện với trường, khoa và phong trào học tập, nghiên cứu

Qua bảng kết quả trên cho thấy cả 5 nhân tố trong mô hình đều có mối liên hệ tuyến tính với nhu cầu sử dụng thư viện của sinh viên với mức ý nghĩa 1% khi sig = 0.000 (< 0.05).

Như vậy, tất cả các nhân tố thuộc mô hình đều có ý nghĩa thống kê, cụ thể nhân tố phương pháp dạy và học trong trường đại học hiện nay, văn hóa đọc của sinh viên hiện nay; chất lượng phục vụ của thư viện, sự liên kết của thư viện với trường, khoa và phong trào học tập, nghiên cứu trong trường lớp có tương quan thuận chiều, nhân tố sự phát triển của các phương tiện thông tin giải trí và mạng internet có tương quan ngược chiều với nhu cầu sử dụng thư viện của sinh viên. Phương trình hồi quy tuyến tính bội được xác định như sau:

$$\text{Nhu cầu sử dụng thư viện của sinh viên} = 0.568 - 0.165 \times F1 + 0.148 \times F2 + 0.102 \times F3 + 0.294 \times F4 + 0.211 \times F5$$

3.3. Phân tích phương sai

Kết quả phân tích phương sai ANOVA có các mức ý nghĩa (hệ số Sig) khi so sánh sự khác biệt về nhu cầu sử dụng thư viện của các nhóm đối tượng khảo sát khác nhau theo yếu tố đặc điểm cá nhân trong bảng sau:

Nhân tố	Mức ý nghĩa (Sig.)			
	Giới tính	Khóa học	Ngành học	Trường
Mức độ và nhu cầu sử dụng thư viện	0.001	0.103	0.001	0.099

Như vậy, sử dụng phương pháp ANOVA để kiểm định các giả thuyết so sánh sự khác biệt giữa nhu cầu sử dụng thư viện của các nhóm đối tượng khảo sát theo yếu tố đặc

điểm cá nhân, kết quả phân tích cho thấy có sự khác biệt về nhu cầu sử dụng thư viện theo giới tính và ngành học nhưng không có sự khác biệt về nhu cầu sử dụng thư viện theo khóa học và trường học.

3.4. Một số giải pháp nâng cao vai trò và nhu cầu sử dụng thư viện

Trên cơ sở mục tiêu nâng cao nhu cầu sử dụng thư viện của sinh viên là một trong những nhiệm vụ trong công tác đảm bảo chất lượng bên trong của các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh, nhóm tác giả đưa ra một số giải pháp sau:

Nhà trường cần hạn chế truy cập vào những trang game online, trang không phù hợp nội dung. Ngoài ra, nhằm thúc đẩy nghiên cứu khoa học, nhà trường cần liên kết với các trang thư viện trong nước và nước ngoài tạo điều kiện sinh viên, giảng viên tiếp cận với các bài báo, tạp chí, công trình nghiên cứu khoa học... có tài khoản đăng nhập miễn phí.

Trong phương pháp dạy, người giảng dạy nên kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy, đặc biệt là những kiểu dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, thông báo, đàm thoại... giảm tối đa tỉ lệ diễn giảng một chiều tùy vào từng bộ môn. Ngoài ra, giảng viên cần được bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng sử dụng các phần mềm, phương tiện giảng dạy hiện đại để kết hợp lại để nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Trong phương pháp học, bản thân người học phải tự đổi mới phương pháp học tập của mình nhằm cải thiện bản thân để có một kết quả học tập tốt bằng cách đổi mới và nâng cao các phương pháp thu nhận thông tin, phương pháp xử lý thông tin; phương pháp nghiên cứu khoa học. Tác giả còn đưa ra giải pháp tăng tính tự giác học tập cho sinh viên thông qua việc cho thấy hệ quả giữa chất lượng học tập và việc làm trong tương lai. Bản thân sinh viên cần đọc nhiều sách để trau dồi các kỹ năng để có hành trang tốt cho cuộc sống. Hơn nữa,

sinh viên cần nhận thức đúng đắn hiệu quả của việc sử dụng thư viện trong học tập và nghiên cứu.

Đối với văn hóa đọc của sinh viên, nhà trường cần ban hành bằng văn bản hệ thống về một số nội dung văn đọc, kết hợp với công ty sách để mở hội chợ sách. Bên cạnh đó cần tổ chức “Ngày hội sách” để cho sinh viên có thể trao đổi sách cho năm học mới. Hằng năm có một ngày gọi là ngày đọc sách của trường. Nhà trường cần tiếp tục cập nhật thang đo ý thức sử dụng thư viện của sinh viên và xây dựng chương trình giáo dục kỹ năng trong một môi trường truyền thông và môi trường điện tử. Ngoài ra, mỗi một kỳ học trường nên cho các bạn sinh viên có hoàn cảnh khó khăn mượn toàn bộ số sách cần thiết cho quá trình học tập của kỳ đó.

- Đối với thư viện, cần thường xuyên có các buổi nói chuyện chuyên đề, hoặc huấn về nghiệp vụ thư viện thời đại công nghệ thông tin đối với cán bộ thư viện, các nhà quản lý thư viện nhằm thực vụ tốt hơn đối với người đọc. Các thư viện cần phải bám sát các nhu cầu và mong muốn của độc giả, tiếp tục nghiên cứu thói quen đọc sách của họ để có thể kịp thời thiết lập lại các bộ sưu tập, hệ thống và dịch vụ cho phù hợp. Đồng thời phải phát triển, thử nghiệm triển khai các hình thức phục vụ mới như: các thiết bị đọc cá nhân, di động, dịch mạng... để góp phần gìn giữ và phát triển văn hóa đọc, tạo mối quan hệ lâu dài và bền vững giữa thư viện và độc giả. Bên cạnh đó, các trường nên xây dựng và duy trì lực lượng tình nguyện viên trong thư viện để tạo môi trường thoải mái học tập cho các bạn sinh viên. Đặc biệt, tác giả đưa ra giải pháp rất cấp thiết cho các thư viện hiện nay là hình thành và hoàn thiện hệ thống thư viện điện tử để kết nối các trường lại phục vụ cho nhu cầu đọc sách của độc giả.

Đối với sự liên kết của trường với khoa, nghiên cứu trong trường lớp, nhà trường cần tổ chức những đợt nghiên cứu

khoa học có định hướng cho sinh viên giúp cho sinh viên có định hướng rõ ràng từ đó thì việc nghiên cứu của các bạn trở nên dễ dàng hơn. Nâng cao nhận thức về lý luận và thực tiễn về nhu cầu sử dụng thư viện cho toàn thể sinh viên bằng cách giới thiệu, hướng dẫn các nội quy trong thư viện thông qua các hội nghị triển khai kế hoạch hoạt động của nhà trường, hội nghị sinh viên, thông báo trên website,...

4. KẾT LUẬN

Với những kết quả đạt được, nghiên cứu đã phát thảo được bức tranh tổng quan về các yếu tố tác động đến nhu cầu sử dụng thư viện của sinh viên đang học tập trong tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, cũng như xác định được những yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng thư viện của các bạn sinh viên. Từ đó giúp các trường có những giải pháp có tính hệ thống nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra. Tuy nhiên, do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, nghiên cứu chắc hẳn vẫn còn những hạn chế và nhóm tác giả sẽ cố gắng khắc phục trong những lần nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Loan Thùy (2010), Thư viện – Công cụ hữu hiệu phát triển giáo dục tự học, tự nghiên cứu trong quá trình xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam PHÁT TRIỂN & HỘI NHẬP, Số 5 - Tháng 6/2010.
- [2] Công văn 560/ KTKĐCLGD ngày 06/6/2008. Cục khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục, Tiêu chuẩn thứ 9.
- [3] Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ, tại điều 45
- [4] Hoàng Thị Hồng Nhạn (2005). Vai trò của thư viện trong các trường đại học. Đại học Quảng Bình.
- [5] Hoàng Thị Phương Thảo cùng cộng sự (2010). Phát triển sự đo lường tài sản thương hiệu trong thị trường dịch vụ.
- [6] Huỳnh Đình Chiến và cộng sự (2012). Vai trò của thư viện trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục đại học: hướng đến một cách nhìn nhận tích cực (bản rút gọn), Bản tin các Trung tâm Học liệu.
- [7] Lê Quỳnh Chi (2005). Thư viện đại học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Tạp chí Thư viện Việt Nam.
- [8] Phạm Minh Hạc (2003). Về đổi mới phương pháp dạy – học ở đại học và cao đẳng, Tạp chí Giáo dục, tr. 32-33
- [9] Phan Văn Khải (2001). Bài phát biểu tại Hội nghị Giáo dục Đại học. Hà Nội, tr.3
- [10] Trương Đại Lượng (2008). Bài giảng Công tác người đọc: Dành cho sinh viên ĐH Thông tin – Thư viện. Đại học Văn hóa Hà Nội.
- [11] Vũ Duy Hiệp (2008). Một số giải pháp để phát triển văn hóa đọc cho sinh viên các trường đại học. Học viện tài chính
- [12] D.Williams, C.Wavell & L.Coles (2001). Impact of School Library Services on Achievement and Learning.
- [13] E. G. Smith (2006). Student Learning through Wisconsin School Library Media Center.
- [14] K. C. Lance, M. J. Rodney & C H. Pennell (2000). The Impact of School Library Programs and Information Literacy in Pennsylvania School.
- [15] M. Lonsdale (2003). Impact of School Libraries on Student Achievement.
- [16] R. Burgin, P. B. Bracy & K. Brown (2003). How Quality School Library Media Programs Improve Student Achievement in North Carolina.